



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 2762/QĐ – VPCNCLQG
ngày 28 tháng 9 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Thí nghiệm CREATE**

Laboratory: **CREATE Laboratory**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Kỹ thuật Thành An**

Organization: **Thanh An Technology Co., Ltd**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1216**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Đo lường - Hiệu chuẩn**

Người quản lý:
Laboratory manager: **Nguyễn Huyền Đức**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày 28 / 9 / 2026 đến ngày 14 / 08 / 2030**

Địa chỉ:
Address: **Số 6, ngõ 111 Cù Chính Lan, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội**
No. 6, Lane 111 Cu Chinh Lan street, Phuong Liet ward, Ha Noi city

Địa điểm:
Location: **Số 6, ngõ 111 Cù Chính Lan, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội**
No. 6, Lane 111 Cu Chinh Lan street, Phuong Liet ward, Ha Noi city

Điện thoại/ Tel: **0902299972**

Email: **hduc155@gmail.com**

Website: **http://tatechvn.com**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED CALIBRATION***VILAS 1216**Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Nhiệt***Field of calibration: Temperature*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)¹/ Calibration and Measurement Capability (CMC)¹
1	Nhiệt kế chỉ thị hiển số và tương tự (x) <i>Digital and analog thermometers</i>	(-90 ~ -30) °C (-30 ~ 150) °C (150 ~ 350) °C	ĐLVN 138 : 2004	0,36°C 0,09 °C 0,32 °C
2	Thiết bị đo nhiệt độ - độ ẩm (x) <i>Thermo - hygrometer</i>	(10 ~ 50) °C (10 ~ 90) %RH (90 ~ 98) %RH	Create. G.C 01.02 (2025)	0,22 °C 1,2 %RH 1,6 %RH

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN**LIST OF ACCREDITED CALIBRATION****VILAS 1216**Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Áp suất**Field of calibration: **Pressure**

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Áp kế, chân không kế kiểu lò xo và hiện số (x) <i>Pressure and vacuum gauge with digital and dial indicating type</i>	(-0,95 ~ 0,0) bar g	ĐLVN 76 : 2001	0,035 bar
		(0,0 ~ 1,0) bar g		0,0024 bar
		(1,0 ~ 3,5) bar g		0,035 bar
		(3,5 ~ 207) bar g		0.28 bar
		(0 ~100) Pa diff		1 Pa
		(100 ~100000) Pa diff		500 Pa

Chú thích/ Notes:

- ĐLVN: Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam/ *Vietnam technical measurement document*
- Create. G.C 01.02 : Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Laboratory-developed calibration procedures*
- (x): Phép hiệu chuẩn có thực hiện tại hiện trường/ *Calibration perform on-site.*
- ⁽¹⁾: Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, sử dụng hệ số phủ k=2 và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa/ *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor k=2 and expressed with maximum 2 significance digits*

Trường hợp Công ty TNHH Kỹ thuật Thành An cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn phương tiện đo thì Công ty TNHH Kỹ thuật Thành An phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Thanh An Technology Co., Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

